

Soạn Language review - lớp 9 SGK trang 36, 37

1. Listen and practise saying the sentences. Pay attention to the underlined words.

(Nghe và thực hành nói những câu sau. Tập trung vào những từ được gạch chân.)

Audio script

1. My town is nice and peaceful, but it isn't very big.

2. Da Nang Museum of Cham Sculpture attracts a lot of foreign visitors.

3. A: Were you wearing a helmet when you fell off your bike?

B: No, I wasn't.

4. Son: Can I go to a party tonight, mum?

Mother: OK, but please don't make noise when you come home.

5. A: My mum's really a good friend of mine.

B: Is she? Mine is very strict towards me.

2. Look at the underlined words in the sentences and mark ...

(Nhìn vào những từ được gạch chân trong câu và đánh dấu W (nhẹ) hoặc S (mạnh). Nghe để kiểm tra và thực hành.)

Sentence	Word	Stress
1	Is	W
	is	S
	are	W
2	can't	S

	Aren't	S
	isn't	S
3	is	W
	it	S
	it	W
4	It's	W
	They	W
	is	S
	isn't	S

3. Match the verbs in column A with the words/phrases in column B.

(Nối động từ ở cột A với từ/ cụm từ ở cột B.)

- reduce pollution.
- pull down an old building.
- empathise with someone.
- make a handicraft.
- set up a home business.
- feel worried and frustrated.
- have high expectations.
- provide employment.

4. Fill each gap with a word from the box.

(Điền mỗi chỗ trống 1 từ)

1. giant	2. tallest	3. attractions	4. symbol
5. fascinating	6. excited	7. affordable.	8. interest.

Hướng dẫn dịch

Đôi mắt của London, hay còn được biết đến như là vòng quay thiên niên kỉ là một vòng quay quan sát khổng lồ ở London. Toàn bộ cấu trúc cao 135m (443 ft) và vòng quay có đường kính 120m (394 ft). Khi được dựng nên vào năm 1999 nó là vòng quay quan sát cao nhất của thế giới. Bây giờ nó là một trong những điểm thu hút phổ biến trên thế giới. Nó được xem như là một biểu tượng của nước Anh. Người ta thực hiện những chuyến đi đặc biệt để nhìn thấy vòng quay khổng lồ tuyệt vời này. 15000 người có thể ngồi lên vòng quay này mỗi ngày. Họ cảm thấy hào hứng khi leo lên trên và nhìn xuống thành phố. Không chỉ người giàu, mọi người đều có thể làm điều này. Nó là một nơi công cộng, một biểu tượng và nó đã trở thành một điểm yêu thích ở London.

5. Complete each sentence with the correct form ...

(Hoàn thành mỗi câu theo dạng đúng của cụm động từ.)

1. set up	2. deal with	3. turned down	4. look up
5. give up	6. put up with	7. got over	8. keep up with

6. Rewrite the following questions in reported speech, using ...

(Viết lại các câu sau bằng lời nói gián tiếp, sử dụng cấu trúc từ để hỏi + to V)

1. Trang wondered what to wear to the fancy dress party.
2. She couldn't decide whether to help Chau with the money her mum had given to her.
3. Nick wondered where to get those traditional handicrafts.

4. Phuc had no idea who to turn to for help with his homework.

5. Hoa was not sure when to break the sad news to him.

7. Choose the suitable words/ phrases complete ...

(Chọn từ hoặc cụm từ thích hợp hoàn thành cuộc hội thoại sau.)

1. As far as I know.

2. what to do.

3. cool.

4. no worries.

5. If I were in your shoes.